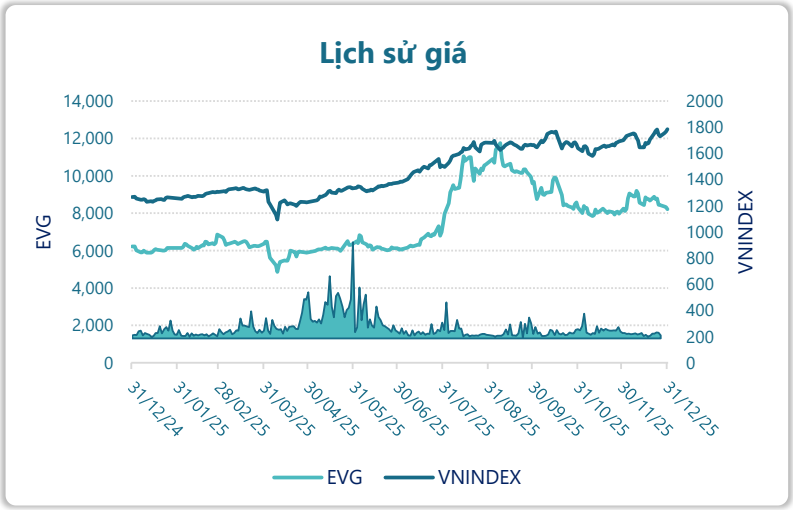
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,210**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,064,050
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,767
P/E	22.8
EPS	360

DT thuần

Q4/25

545

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 358| 191%

YoY: ▲ 315| 137%

LN sau thuế

Q4/25

60.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.4| 277%

YoY: ▲ 54.4| 911%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.3%

+/- YoY: ▲ 8.0%

DT thuần

2025

1,119

tỷ VNĐ

YoY: ▼74.0| -6.2%

LN sau thuế

2025

98.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.8| 192%

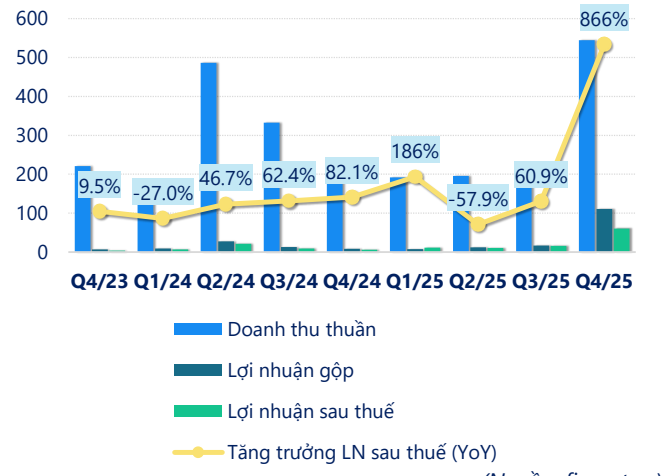
ROE

2025

2.7%

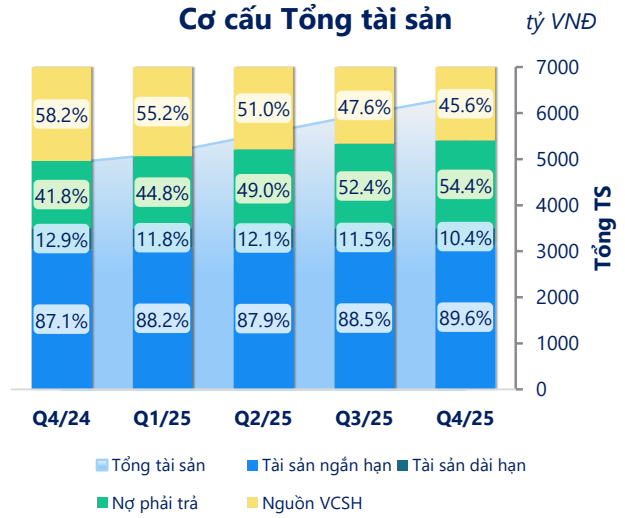
+/- YoY: ▲ 1.6%

Kết quả kinh doanh



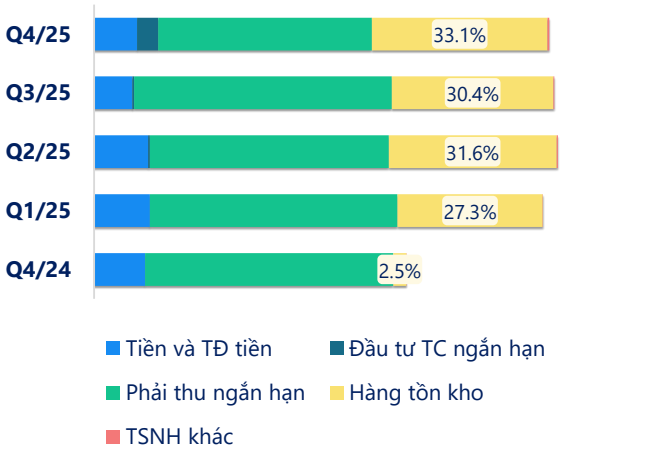
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



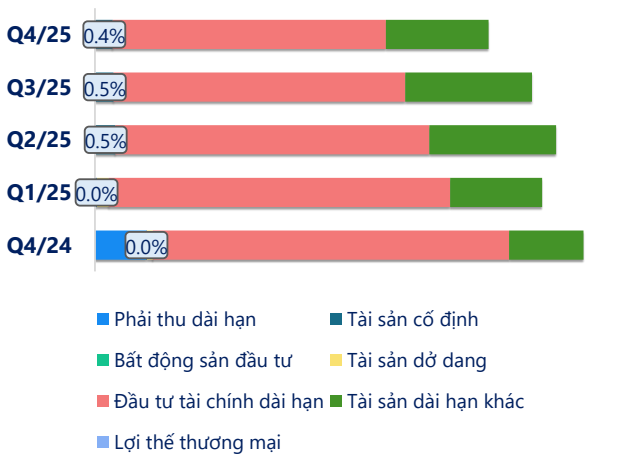
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



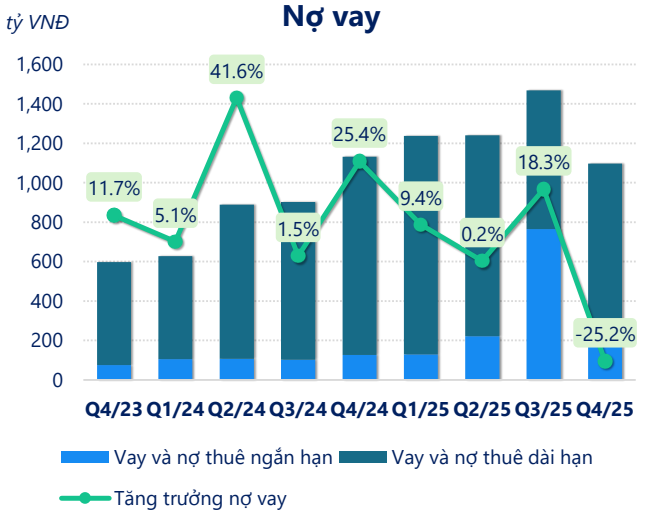
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



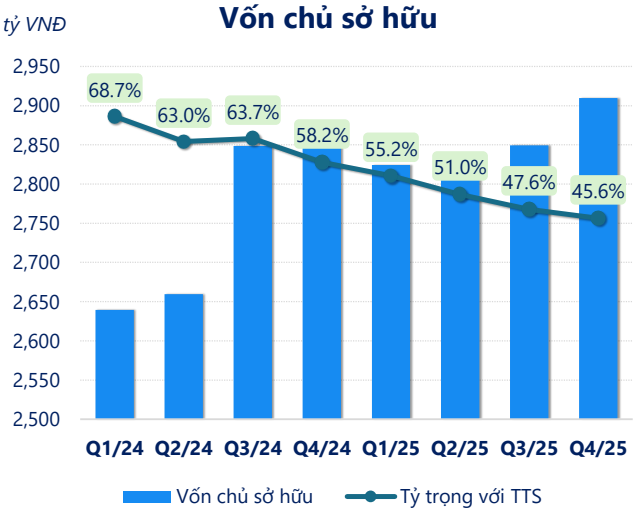
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



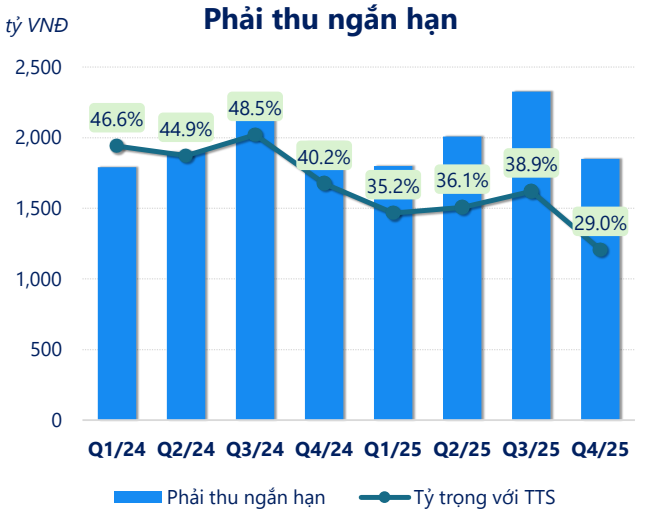
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



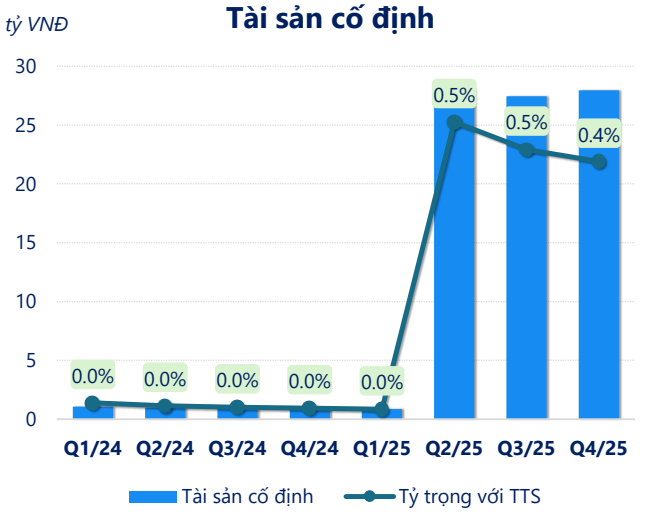
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



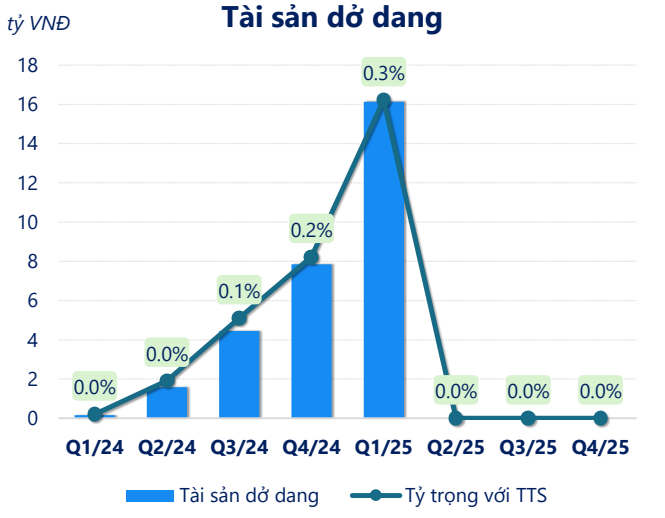
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



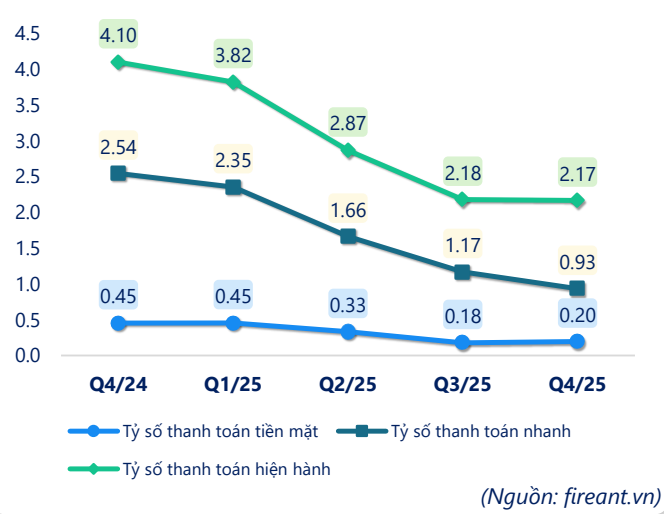
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



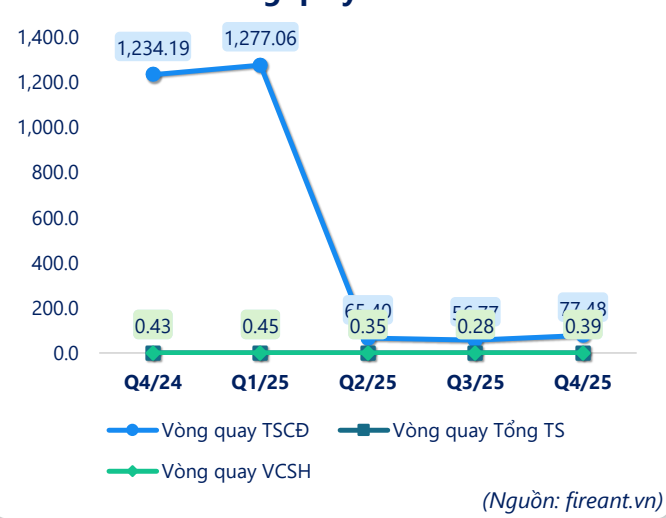
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**4,901**	**5,113**	**5,556**	**5,983**	**6,385**
Tài sản ngắn hạn	**4,270**	**4,511**	**4,881**	**5,295**	**5,723**
Tiền và tương đương tiền	471	536	563	430	518
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194	418	225	30.5	46.5
Phải thu ngắn hạn	1,969	1,799	2,007	2,327	1,849
Hàng tồn kho	1,620	1,733	2,049	2,454	3,256
Tài sản ngắn hạn khác	16.5	23.9	36.6	53.8	53.6
Tài sản dài hạn	**630**	**602**	**674**	**688**	**662**
Phải thu dài hạn	66.0	1.76	1.66	1.76	1.76
Tài sản cố định	0.93	0.87	28.1	27.4	28.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.85	16.1	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	460	460	460
Tài sản dài hạn khác	96.1	124	185	200	173
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,046**	**2,289**	**2,722**	**3,134**	**3,475**
Nợ ngắn hạn	**1,042**	**1,180**	**1,703**	**2,431**	**2,641**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	129	221	765	264
Phải trả người bán ngắn hạn	221	220	411	448	508
Nợ dài hạn	1,005	1,109	1,019	703	834
Vay và nợ thuê dài hạn	1,005	1,109	1,019	703	834
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,854**	**2,824**	**2,833**	**2,849**	**2,910**
Vốn chủ sở hữu	**2,854**	**2,824**	**2,833**	**2,849**	**2,910**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	2,152	2,152	2,152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)